

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. QUY NHƠN-TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HSST

Ngày: 15 - 5- 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN - TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thành
2. Ông Nguyễn Đình Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm là Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Trần Điện Ảnh là Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2018/HSST ngày 03 tháng 3 năm 2018, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/QĐXXST - HS ngày 26 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân T., sinh năm 1982 tại Bình Định; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn G, xã C, huyện P., tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 09/12; con ông Nguyễn Xuân B. sinh năm 1939 và bà Nguyễn Thị N. sinh năm 1940; ly hôn vợ, có 01 con sinh năm 2000; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; tiền án: Ngày 26/11/2007, bị TAND tỉnh Bình Định xử phạt 09 tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”; Ngày 17/12/2007, bị TAND huyện P. xử phạt 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; Ngày 21/7/2009, bị TAND tỉnh Bình Định xử phạt 30 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, được đặc xá trở về địa phương từ ngày 30/8/2010; Ngày 11/5/2011, bị TAND huyện P. xử phạt 12 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, chấp hành án phạt tù đến ngày 29/01/2012 trở về địa phương; Ngày 19/02/2014, bị TAND Tp. Phan Thiết, Bình Thuận xử phạt 02 năm tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, chấp hành án phạt tù đến ngày 04/7/2015 trở về địa phương; Tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 15/3/2018, bị Tòa án nhân dân Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” hiện đang chấp hành án tại trại tạm giam Bó Lá Công an TP. Hồ Chí Minh; có mặt.

- Bị hại:

Chị Dương Thị Thanh M. sinh năm 1970; trú tại: Tổ 3, khu vực 5, phường N., Tp. Quy Nhơn, Bình Định; vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Chị Dương Thị Bích H. sinh năm 1962; trú tại: Tổ 3, khu vực 5, phường N., Tp. Quy Nhơn, Bình Định; vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Chị Dương Hiếu H. sinh năm 1997; trú tại: Số nhà 163/2 đường N., TP. Quy Nhơn, Bình Định; vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Chị Huỳnh Thị Thanh D. sinh năm 1977; trú tại: Số nhà 30 đường V., Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Anh Nguyễn Đức V. sinh năm 1977; trú tại: Số nhà 30 đường V., Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt..

Anh Lê Văn T. sinh năm 1977; trú tại: Thôn T., xã C., huyện P., tỉnh Bình Định; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 02/3/2016, Nguyễn Xuân T. đến nhà nghỉ “*Thu Hà*” ở số nhà 228 T., Tp. Quy Nhơn gặp chị Dương Thị Thanh M. (nhân viên của nhà nghỉ) và dùng giấy chứng minh nhân dân của mình nhưng xưng tên khác thuê phòng để ở. Thời gian tại đây, T., nhắn tin hứa hẹn yêu thương, nói dối có nhà ở TP. HCM, làm tài xế lái xe 7 chỗ đến Quy Nhơn thì bị hư xe ở Phú Tài và hứa hẹn sẽ cưới chị M., sau đó đưa chị M. vào Sài Gòn cùng lập nghiệp. Chị M. tưởng là thật nên dẫn T. về giới thiệu với gia đình.

T. nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của chị M. và gia đình chị M. nên sáng ngày 07/3/2016, T. nói dối M. là xe của mình đang sửa trên Phú Tài, cần mượn xe mô tô biển số 77L1-441.59 của chị M. để đến đó trông thợ sửa xe. Chị M. tin tưởng nên giao xe mô tô cùng giấy tờ xe và chứng minh nhân dân của mình cho T. Sau khi có được xe, T. đem cầm cố và bán cho chị Huỳnh Thị Thanh D. tại số nhà 30 V., Tp. Quy Nhơn với giá 19.000.000 đồng. Đến sáng 08/3/2016, T. về lại nhà chị M. nói xe của chị M., T. cho thợ mượn đi mua đồ sửa xe và đang thiếu tiền nên mượn tiền của chị M. Do không có tiền nên chị M. giới thiệu chị Dương Thị Kim H. (chị ruột M.) để Thông mượn. T. nói với chị H. cần tiền sửa xe mà tiền ở TP.HCM chưa gửi ra kịp nên chị H. đồng ý cho T. mượn 14.000.000 đồng.

Sáng ngày 09/3/2016, T. nói chị M. mượn giúp xe mô tô để T. đi đến chỗ sửa xe nên chị M. đưa xe mô tô 77H1-222.43 của cháu gái là Dương Hiếu H. cho T. T. điều khiển xe mô tô này đi về huyện P. đánh bạc, sau đó cầm cố cho anh Lê Văn T. với giá 12.000.000 đồng. Sau đó, T. chuộc lại xe mô tô và bán cho một người qua đường không xác định được nhân thân..

Đến 13 giờ 30 phút, chị M. gọi điện thoại cho T. nhiều lần nhưng không được. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, sợ bị phát hiện nên T. gọi điện thoại cho chị M. xưng là ba của T. và nói T. bị tai nạn giao thông ở xã N., TP. Quy Nhơn, sau đó bỏ trốn vào TP. HCM sống lang thang. Đến ngày 23/11/2017, T. tiếp tục có hành vi “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” bị Công an Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh bắt tạm giam từ ngày 23/11/2017.

Quá trình điều tra, Nguyễn Xuân T. bỏ trốn. Cơ quan CSĐT Công an Tp. Quy Nhơn ra quyết định truy nã. Tuy nhiên, sau khi bị bắt, Thông thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. Đối với lần thực hiện hành vi phạm tội này của Thông thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần.

Ngày 22/4/2016, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Xe mô tô 77L1-441.59 hiệu Honda Vision màu xanh, trị giá 21.000.000 đồng; xe mô tô 77H1-222.43 hiệu Yamaha Sirius màu vàng-đen, trị giá 14.500.000 đồng.

Cơ quan CSĐT Công an Tp. Quy Nhơn đã trả lại cho chị Dương Thị Thanh M. xe mô tô 77L1-441.59 hiệu Honda Vision màu xanh. Chị Dương Hiếu H. yêu cầu bồi thường số tiền: 14.500.000 đồng, chị Dương Thị Kim H. yêu cầu bồi thường 14.000.000 đồng và chị Huỳnh Thị Thanh D. yêu cầu hoàn lại 19.000.000 đồng. Hiện Nguyễn Xuân T. chưa bồi thường, bồi hoàn.

Bản cáo trạng số 15/CT - VKSQN ngày 23 tháng 02 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn truy tố bị cáo Nguyễn Xuân T. về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết định khung hình phạt “*Tái phạm nguy hiểm*” theo điểm c khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (BLHS năm 1999).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo đã tái phạm nguy hiểm, tiếp tục lợi dụng sự tin tưởng của chị Dương Thị Thanh M., nói dối chị để mượn tài sản của chị, của chị gái chị M. rồi chiếm đoạt luôn. Bị cáo đã chiếm đoạt của chị M. 02 xe mô tô có tổng giá trị 35.500.000 đồng, chiếm đoạt của chị Dương Thị Kim H. 14.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 49.500.000 đồng nên Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 139 BLHS năm 1999; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 51 BLHS năm 1999, xử phạt bị cáo từ 03 đến 04 năm tù, tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với bị cáo. Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 (BLHS năm 2015); Điều 584; Điều 589 Bộ luật dân sự (BLDS), buộc bị cáo bồi thường cho chị Dương Hiếu H. 14.500.000 đồng, bồi thường cho chị Dương Thị Kim H. 14.000.000 đồng, hoàn lại cho chị Huỳnh Thị Thanh D. 19.000.000 đồng.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Quy Nhơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Nguyễn Xuân T. có đầy đủ sức khỏe và có trình độ học vấn đủ để nhận thức và điều khiển hành vi của mình, mặc khác bị cáo đã nhiều lần bị kết án về tội chiếm đoạt nên biết rất rõ tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo hộ, mọi hành vi xâm phạm đều được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh. Nhưng vì tham lam, xem thường pháp luật nên bị cáo đã lợi dụng tình cảm của chị Dương Thị Thanh M., nói dối chị nhiều lần để mượn tài sản, mượn tiền của chị và chị ruột chị rồi chiếm đoạt luôn. Bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, chiếm đoạt của chị M. 02 xe mô tô có tổng giá trị 35.500.000 (Ba mươi lăm triệu năm trăm nghìn) đồng, chiếm đoạt của chị Dương Thị Kim H. 14.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 49.500.000 (bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn) đồng nên bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo đã nhiều lần bị kết án, chưa được xóa án tích, tiếp tục phạm tội do lỗi cố ý nên đã phạm vào tình tiết định khung “Tái phạm nguy hiểm”, vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 139 BLHS năm 1999 là có căn cứ.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội ở địa phương, sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng. Trong thời gian bỏ trốn, bị cáo tiếp tục phạm tội vừa bị Tòa án nhân dân Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù. Trong các ngày 07,08,09/3/2016, bị cáo đã 03 lần dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của chị M. 02 xe mô tô, mỗi xe có giá trị trên 2.000.000 đồng, chiếm đoạt của chị Dương thị Kim H. 14.000.000 đồng nên bị cáo đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội nhiều lần” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 nên cần xử lý nghiêm, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như đề nghị của Kiểm sát viên mới có tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội.

Tuy nhiên, tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999, xử bị cáo với mức án có lý, có tình để bị cáo an tâm cải tạo sớm tái hòa nhập với cộng đồng.

Bị cáo khai sử dụng số tiền bán, cầm cố xe mô tô chiếm đoạt của chị M., tiền chiếm đoạt của chị H. đánh bạc dưới các hình thức xì lát, bầu cua trên địa bàn Tp. Quy Nhơn và huyện P. nhưng không nhớ đã đánh với ai, địa điểm cụ thể nào, Cơ quan điều tra không thể xác minh làm rõ được nên không có căn cứ để xử lý bị cáo về hành vi đánh bạc.

[4] Bị cáo đang chấp hành hình phạt 03 năm 06 tháng tù theo Bản án số 44/2018/HSST ngày 15/3/2018 của Tòa án nhân dân Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 50 BLHS năm 1999 tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với bị cáo.

[5] Chị Huỳnh Thị Thanh D., anh Lê Văn T. nhận cầm cố xe mô tô bị cáo chiếm đoạt của chị M. nhưng cả hai không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không xử lý hình sự về hành vi “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là phù hợp.

[6] Bồi thường thiệt hại:

Chị M. đã nhận lại xe mô tô biển kiểm soát 77L1- 441.59 hiệu Honda Vision, chị không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xét.

Bị cáo chiếm đoạt của chị Dương thị Kim H. 14.000.000 đồng, chị Dương thị Kim H. Yêu cầu bị cáo bồi thường cho chị số tiền này nên bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho chị Dương thị Kim H. 14.000.000 đồng.

Xe mô tô Yamaha Sirius biển kiểm soát 77H1- 222.43 là xe của chị Dương Hiếu H. cháu chị M. cho chị M. mượn. Chị M. lấy xe này cho bị cáo mượn, bị cáo mang cầm cố cho anh T., sau đó chuộc lại bán cho một người không xác định được nên không thể thu hồi, chị H. yêu cầu bị cáo bồi thường theo giá trị Hội đồng định giá đã định là 14.500.000 đồng nên bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho chị Dương Hiếu H. 14.500.000 đồng.

Bị cáo mang xe mô tô biển kiểm soát 77L1- 441.59 hiệu Honda Vision chiếm đoạt của chị M. cầm cố cho chị Huỳnh Thị Thanh D., vợ của anh Nguyễn Đức V. chủ hiệu cầm đồ Thanh D. với giá 19.000.000 đồng. Xe đã bị thu hồi trả lại cho chị M., anh V. giao cho chị D. toàn quyền quyết định đối với việc mua bán xe, chị D. yêu cầu bị cáo hoàn lại cho chị số tiền mua xe là 19.000.000 đồng nên bị cáo phải có nghĩa vụ hoàn lại cho chị số tiền này.

[7] Về án phí:

Bị cáo bị kết án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho chị Dương thị Kim H, chị Dương Hiếu H., bồi hoàn cho chị D. nên còn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy Định tại Điều 135 BLTTHS, Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân T. phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 51; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân T. 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù của Bản án số 44/2018/HSST ngày 15/3/2018 của Tòa án nhân dân Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/11/2017.

2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo bồi thường cho chị Dương Thị Kim H. 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng; bồi thường cho chị Dương Hiếu H. 14.500.000 (mười bốn triệu năm trăm nghìn) đồng; hoàn lại cho chị Huỳnh Thị Thanh D. 19.000.000 (mười chín triệu) đồng.

Kể từ ngày Dương Thị Kim H., chị Dương Hiếu H., chị Dung có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền trên thì bị cáo còn phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 BLDS.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.375.000 (hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- CQ CSĐT CA Tp. Quy Nhơn;
- Đội ĐTTH CA Tp. Quy Nhơn;
- Dương sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Thúy

Hội thẩm nhân dân:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- CQ CSĐT CA Tp. Quy Nhơn;
- Đội ĐTTH CA Tp. Quy Nhơn;
- Đương sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Thúy

Hội thẩm nhân dân:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND thành phố Q;
- Chi cục THADS thành phố Q;
- CQ CSĐT CA thành phố Q;
- Đội ĐTTH CA thành phố Q;
- Đường sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Thúy

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- CQ CSĐT CA Tp. Quy Nhơn;
- Đội ĐTTH CA Tp. Quy Nhơn;
- Đương sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Thúy